

Số: 29 /2024/QĐ-UBND

Hà Giang, ngày 28 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Quy định một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường Trên địa bàn tỉnh Hà Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;
Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường;
Căn cứ Thông tư số 31/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 05 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường;
Căn cứ Nghị quyết số 24/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang quy định phân định nhiệm vụ chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Hà Giang;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1732/TTr-STNMT ngày 03/6/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Hà Giang, cụ thể như sau:

1. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường.

2. Mức chi

a) Một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Hà Giang theo phụ lục đính kèm.

b) Đối với các nội dung không quy định tại Quyết định này thực hiện theo

Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường; Thông tư số 31/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 05 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường.

3. Nguồn kinh phí

Nguồn kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường từ nguồn ngân sách các cấp theo phân cấp hiện hành, nguồn vốn xã hội hoá và các nguồn vốn khác theo quy định.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 7 năm 2024 và thay thế Quyết định số 04/2018/QĐ-UBND ngày 01 tháng 02 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin Công báo;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH, NC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Sơn

Phụ lục

**MỘT SỐ MỨC CHI SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ GIANG**

(kèm theo Quyết định số 29 /2024/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang)

Đơn vị tính: 1.000 đồng.

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi			Ghi chú
			Tỉnh	Huyện	Xã	
1	Họp hội đồng xét duyệt dự án, nhiệm vụ (nếu có)	Buổi họp				Không tính chi họp hội đồng đối với nhiệm vụ được giao thường xuyên hàng năm
a	Chủ tịch Hội đồng	người/buổi	500	300	150	
b	Thành viên, thư ký	người/buổi	250	200	100	
c	Đại biểu được mời tham dự	người/buổi	150	100	80	
d	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện	Bài viết	400	300	200	
đ	Nhận xét đánh giá của ủy viên hội đồng	Bài viết	250	200	150	
2	Lấy ý kiến thẩm định dự án bằng văn bản của chuyên gia và nhà quản lý (tối đa không quá 5 bài viết)	Bài viết	400	300	150	Trường hợp không thành lập hội đồng
3	Điều tra, khảo sát					
a	Lập mẫu phiếu điều tra	Phiếu mẫu được duyệt	500			
b	Chi cho đối tượng cung cấp thông tin					
	- Cá nhân	Phiếu	50			
	- Tổ chức	Phiếu	100			
c	Chi cho điều tra viên; công quan trắc, khảo sát, lấy mẫu (trường hợp thuê ngoài)	Người/ngày công	160			
d	Chi cho người dẫn đường	người/ngày	100			Chỉ áp dụng cho điều tra thuộc vùng núi cao, vùng sâu cần có người địa phương dẫn đường và người phiên dịch cho điều tra viên
đ	Chi cho người phiên dịch tiếng dân tộc	người/ngày	150			
4	Báo cáo tổng kết dự án, nhiệm vụ:	Báo cáo				
	a) Nhiệm vụ		4.000	3.000	1.500	
	b) Dự án		8.000-12.000	5.000-9.000		
	+ Dự án dưới 500 triệu đồng		8.000	5.000		
	+ Dự án từ 500 triệu đồng đến dưới 2.000 triệu đồng		10.000	7.000		
	+ Dự án trên 2.000 triệu đồng		12.000	9.000		
5	Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược; Hội đồng thẩm định quy hoạch bảo vệ môi trường; Hội đồng thẩm định khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, theo quyết định của cấp có					

	thẩm quyền (nếu có)				
	Chủ tịch Hội đồng thẩm định	Người/buổi	600	400	
	Phó Chủ tịch Hội đồng thẩm định	Người/buổi	500	350	
	Ủy viên, Thư ký hội đồng thẩm định	Người/buổi	250	200	
	Đại biểu được mời tham dự	Người/buổi	150	100	
	Bài nhận xét của ủy viên phản biện	Bàiviết	400	300	
	Bài nhận xét của ủy viên hội đồng	Bàiviết	250	200	
	Ý kiến nhận xét, đánh giá của chuyên gia, nhà quản lý đối với các báo cáo đã được chủ đầu tư hoàn thiện theo ý kiến của Hội đồng (số lượng nhận xét do cơ quan thẩm định quyết định nhưng không quá 03 bài viết)	Bàiviết	300	250	
6	Hội thảo khoa học (nếu có)	người/buổi hội thảo			
a	Người chủ trì		400	300	
b	Thư ký hội thảo		250	200	
c	Đại biểu được mời tham dự		150	100	
d	Báo cáo tham luận	Bàiviết	280	200	
7	Hội đồng nghiệm thu dự án, nhiệm vụ				
	<i>Nghiệm thu nhiệm vụ:</i>				
a	Chủ tịch hội đồng	người/buổi	300	250	150
	Thành viên, thư ký		150	100	80
	<i>Nghiệm thu dự án:</i>				
	Chủ tịch Hội đồng		600	400	
	Thành viên, thư ký hội đồng	người/buổi	300	250	
b	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện	bàiviết	400	300	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên hội đồng (nếu có)	bàiviết	300	250	
	Đại biểu được mời tham dự		150	120	
8	Chi giải thưởng bảo vệ môi trường do địa phương tổ chức:				
a	Tổ chức:		4.000-10.000	3.200-8.000	1.600-4.000
b	Cá nhân		2.500-7.5000	2.000-6.000	1.000-3.000